TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2025/QĐST-DS	*Gia Lâm, ngày 28 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 206/2024/TLST-DS ngày 17/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: Đường N, phường V, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Đức Thạch D1 - Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro. (Theo Giấy ủy quyền số 34/GUQ-CNHĐ ngày 04/11/2024).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1990

Bà **Nguyễn Huyền T**, sinh năm 1991

Cùng trú tại: Đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1950

Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1955

Cùng trú tại: Đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện Ngân hàng TMCP S với ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Huyền T và ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị C thống nhất, thỏa thuận như sau:

1. Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Huyền T về việc thanh toán số tiền nợ là: 110.161.067 đồng; trong đó:

+ Tiền nợ gốc là: 66.284.988 đồng;

+ Tiền lãi trong hạn là: 41.845.449 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 1.205.456 đồng;

+ Tiền phạt chậm trả lãi là: 825.174 đồng.

2. Ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Huyền T xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S theo các Hợp đồng tín dụng số 202326949162, Giấy nhận nợ số LD2301800151 ngày 18/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số 202327115004, Giấy nhận nợ số LD2315200074 ngày 31/5/2023 tạm tính đến ngày 16/4/2025 là 685.960.000 đồng (tiền nợ gốc).

3. Ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Huyền T phải thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP S theo lịch trả nợ được thỏa thuận trong các Hợp đồng và Giấy nhận nợ đã ký. Cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 202326949162, Giấy nhận nợ số LD2301800151 ngày 18/01/2023 thì ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Huyền T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tiền gốc, lãi vào ngày 10 hàng tháng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 202327115004, Giấy nhận nợ số LD2315200074 ngày 31/5/2023 thì ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Huyền T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tiền gốc, lãi vào ngày 30 hàng tháng.

4. Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Huyền T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo lộ trình trả nợ hàng tháng tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị C để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S. Tài sản đảm bảo là "Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 433, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Khu vực N, xã D, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 776200; Số vào sổ cấp GCN: CS 00811 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 17/02/2022, chủ tài sản: Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Trần Thị C".

5. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán khoản nợ của ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Huyền T tại Ngân hàng TMCP S. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Huyền T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết phần nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP S.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP S chịu cả 15.719.200 đồng án phí Dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 17.922.421 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0065695 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S 2.203.221 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện G;

- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Quang Dũng